

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/9/2022.  
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Kiên Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Huy Khoa.

2. Bà Nguyễn Thị Là.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân  
huyện Đông Hưng.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022;  
về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
65/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa  
số 31/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn KG, xã GT,  
huyện GV, tỉnh NB.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn AB, xã LG,  
huyện ĐH, tỉnh TB.

*(Các đương sự đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên  
đơn, chị Trần Thị T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Xuân D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND  
xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 12 tháng 3 năm 2020. Sau kết hôn vợ chồng  
chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn AB, xã LG, huyện ĐH. Vợ chồng sống  
hòa thuận được thời gian ngắn đã phát phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn  
do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D thường xuyên uống rượu say không  
quan tâm đến chị và con. Chị góp ý nhưng anh không sửa chữa; anh còn chửi bới,  
đánh đập chị và anh còn có biểu hiện quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chụp  
ảnh chung với người phụ nữ đó. Hai bên gia đình hòa giải cho vợ chồng nhiều lần,  
nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Tháng 11/2021, vợ chồng mâu thuẫn  
căng thẳng, chị đã mang theo con lớn bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện GV, tỉnh NB sống  
ly thân với anh D và sinh con thứ 2 tại đây. Anh D có sang nhà bố mẹ đẻ chị để đón  
con lớn về TB chứ không đón chị về chung sống. Nay chị xác định, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để chị ổn định làm ăn.

Chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 27/6/2020 và Nguyễn Ngọc Diễm T2, sinh ngày 16/6/2022. Do cả hai con còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của chị, nên chị nhận được trực tiếp dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh D cấp dưỡng cho mỗi con ở mức 1.000.000 đồng/1 tháng (02 con là 2.000.000 đồng/1 tháng). Hiện tại, chị làm nghề sơn, sửa móng tay, móng chân và còn bán hàng online cho khách tại nhà bố mẹ đẻ chị; thu nhập bình quân của chị mỗi tháng khoảng từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; bố mẹ đẻ chị còn khỏe và rảnh rỗi thời gian, sẽ hỗ trợ chị trong việc chăm sóc các con.

Chị và anh D không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị không yêu cầu giải quyết.

**\* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn, anh Nguyễn Xuân D trình bày:**

- Anh thừa nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian mâu thuẫn và ly thân của vợ chồng như chị T trình bày. Nguyên nhân dẫn tới việc vợ chồng hay xảy ra va chạm, cãi nhau là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do chị T tính đa nghi ghen tuông vô cớ với anh. Vì lý do công việc, anh phải tiếp khách hàng, có uống rượu nhưng anh không say xỉn như chị T khai và anh vẫn chăm lo, vun vén cho gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn, chị T đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ và từ tháng 11/2021, chị T đã bỏ hẳn về nhà bố mẹ đẻ ở huyện GV, tỉnh NB sống ly thân với anh. Anh cũng xác định, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Anh được biết, theo quy định của pháp luật thì khi vợ chồng ly hôn, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, nên trong thời gian chuẩn bị xét xử anh đồng ý để chị T nuôi cả 02 con và khi con đủ 36 tháng tuổi trở lên, anh sẽ làm đơn xin thay đổi để anh được nuôi con. Tại phiên tòa, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con chung. Anh không đồng ý cho chị T nuôi con, vì quê chị T thường xuyên ngập lụt mỗi khi trời mưa, bão, nếu giao con cho chị T nuôi sẽ không đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của con. Anh hiện là Giám đốc Công ty TNHH MQ, ngành nghề kinh doanh là xây dựng và cho thuê xe ô tô tự lái; thu nhập bình quân của anh mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng.

Anh và chị T không có tài sản chung và không có nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống được thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn, đánh, cãi nhau và chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh D từ tháng 11/2021. Từ khi vợ chồng ly thân, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng; chị T xin ly hôn, anh D cũng đồng ý. Điều đó chứng

tổ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2] Về con chung: Chị T và anh D đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cả 02 con chung hiện dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ; căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cần buộc anh D cấp dưỡng cho 02 con chung ở mức 1.000.000 đồng/01con/1 tháng (02 con là 2.000.000 đồng/1 tháng) là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh D và nhu cầu thiết yếu của con chung.

[3] Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí : Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh D phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

**1/. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân D.

**2/. Về con chung:** Xử giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 27/6/2020 và Nguyễn Ngọc Diễm T2, sinh ngày 16/6/2022 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Xuân D phải cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng (02 con là 2.000.000 đồng/1 tháng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Xuân D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; anh Nguyễn Xuân D và chị Trần Thị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

**3/. Về tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

**4/. Về án phí:** Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Chuyển số tiền 300.000 chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003160 ngày 08/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

Anh Nguyễn Xuân D phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**5/. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- UBND xã LG, huyện DH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
***Đã ký***

**Lê Kiên Trung**